

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09.8.2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thanh Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Kim Thành** và ông **Nguyễn Văn Đồi**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Trương Ngọc Thảo Nguyên** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-HPT ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông **Võ Mai N**. Sinh năm: 1991; Trú tại: **H L, phường N, quận S, TP Đà Nẵng**. có mặt

\* **Bị đơn:** Bà **Huỳnh Thị X**, sinh năm 1996. Trú tại: **B 1 T, phường A, quận S, TP Đà Nẵng**. vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông **Võ Mai N** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà **Huỳnh Thị X** kết hôn năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và xung đột, tôi đã từng một lần làm đơn gửi đến Tòa án nhưng do vợ xin tha thứ nên tôi cũng tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng khi về chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chung tôi đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau đến nhau. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hòa giải nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết tôi được ly hôn với cô **X**.

- Về con chung: tôi và bà **Huỳnh Thị X** có 01 con chung là **Võ Mai Phước V**, sinh ngày 07.9.2019. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cô **X** cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

\* **Bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng bà Huỳnh Thị X** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

\* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của ông **Võ Mai N** và bà **Huỳnh Thị X** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Mai N**.

-Về con chung có 01 con chung là **Võ Mai Phước V**, sinh ngày 07.9.2019. Nguyên vọng của ông **N** xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà **X** cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chung cho ông **N** nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD.

-Về cấp dưỡng nuôi con ông **N** không yêu cầu nên không xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn ông **Võ Mai N** và bà **Huỳnh Thị X** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 25.7.2024 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn bà **Huỳnh Thị X**, nhưng bà **Huỳnh Thị X** vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà **Huỳnh Thị X**.

**[2] Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà ông **Võ Mai N** thì thấy:

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** ông **Võ Mai N** và bà **Huỳnh Thị X** kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại **UBND phường N, quận S, TP Đà Nẵng**. Hôn nhân



hoàn toàn tự nguyện.

Theo ông N trình bày mâu thuẫn của vợ chồng là do bà X không chung thủy nên dẫn đến vợ chồng xung đột, ông N đã từng một lần gửi đơn đến Tòa án nhưng do thương con tạo cho bà X một cơ hội để sửa sai nhưng vẫn không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông N đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị X.

Theo xác minh tại UBND phường N, quận S, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa ông N và bà X có mâu thuẫn, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ, chỉ biết hiện nay ông N và bà X không còn sống chung với nhau. Ông N đang ở với con tại nhà cha mẹ ruột mình.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị X không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện bà X không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà X đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]. Về quan hệ con chung:** ông Võ Mai N xác nhận có 01 con chung là Võ Mai Phước V, sinh ngày 07.9.2019. Ly hôn ông N xin được nuôi con chung và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. HĐXX xét thấy, hiện nay ông N đang là người nuôi dưỡng chăm sóc con chung nên cần giao con chung cho ông N nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

**[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung:** ông Võ Mai N xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

**[2.4] Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Võ Mai N phải nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông **Võ Mai N** đối với bà **Huỳnh Thị X**

Tuyên xử: ông **Võ Mai N**, sinh năm 1991 được ly hôn với bà **Huỳnh Thị X**, sinh năm 1996.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139 của **UBND phường N**, **quận S**, **TP Đà Nẵng** cấp ngày 26.9.2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên giao con chung là **Võ Mai Phước V**, sinh ngày 07.9.2019 cho ông **Võ Mai N** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Ông **Võ Mai N** không yêu cầu bà **Huỳnh Thị X** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng ông **Võ Mai N** phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002622 ngày 04.6.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, ông **N** đã nộp đủ án phí theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án **S**;
- UBND phường Nại Hiên Đông  
q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh T**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông  
q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Thủy**

**TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO HƯỚNG ĐỀ XUẤT XỬ LÝ VỤ ÁN**

Tôi tên : **Phạm Thanh Thủy**- Thẩm phán Tòa án ND quận Sơn Trà Sơn Trà  
Được sự phân công của lãnh đạo v/v nghiên cứu giải quyết vụ án ly hôn giữa :

\* **Nguyên đơn:** Ông Võ Mai Nhật. Sinh năm: 1991; Trú tại: 84 Lê Chân,  
phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. có mặt



\* **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Xíu, sinh năm 1996. Trú tại: 257/Hẻm 16/12 Trần Hưng Đạo, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. vắng mặt  
Sau khi nghiên cứu hồ sơ tôi đề xuất hướng xử lý như sau:

### **I. Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** ông Võ Mai Nhật và bà Huỳnh Thị Xíu kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Theo ông Nhật trình bày mâu thuẫn của vợ chồng là do bà Xíu không chung thủy nên dẫn đến vợ chồng xung đột, ông Nhật đã từng một lần gửi đơn đến Tòa án nhưng do thương con tạo cho bà Xíu một cơ hội để sửa sai nhưng vẫn không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông Nhật đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh Thị Xíu.

Theo xác minh tại UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa ông Nhật và bà Xíu có mâu thuẫn, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ, chỉ biết hiện nay ông Nhật và bà Xíu không còn sống chung với nhau. Ông Nhật đang ở với con tại nhà cha mẹ ruột mình.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị Xíu không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện bà Xíu không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Nhật và bà Xíu đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông Nhật yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]. Về quan hệ con chung:** ông Võ Mai Nhật xác nhận có 01 con chung là Võ Mai Phước Việt, sinh ngày 07.9.2019. Ly hôn ông Nhật xin được nuôi con chung và không yêu cầu bà Xíu cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. HĐXX xét thấy, hiện nay ông Nhật đang là người nuôi dưỡng chăm sóc con chung nên cần giao con chung cho ông Nhật nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nhật không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

**[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung:** ông Võ Mai Nhật xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

### **II. Đề xuất hướng giải quyết:**

**Căn cứ vào:** Các Điều 51, 53, 55,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.**Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Võ Mai Nhật đối với bà Huỳnh Thị Xíu

Tuyên xử: ông Võ Mai Nhật, sinh năm 1991 được ly hôn với bà Huỳnh Thị Xíu, sinh năm 1996.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139 của UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 26.9.2019 không còn giá trị pháp lý.

**2.** Về con chung: Tuyên giao con chung là Võ Mai Phước Việt, sinh ngày 07.9.2019 cho ông Võ Mai Nhật trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Ông Võ Mai Nhật không yêu cầu bà Huỳnh Thị Xíu cấp dưỡng tiền nuôi con.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên xem xét giải quyết.

**5. Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng ông Lê Đức Minh phải nộp,

**6.** Quyền kháng cáo:

**Ý kiến của Lãnh đạo**

**Thẩm phán đề xuất**

*Phạm Thanh Thủy*